| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ**<br>TỈNH LÂM ĐỒNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2023
Về việc "Ly hôn và giải quyết vấn đề con chung"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Hữu Luynh.

2. Bà Nguyễn Thị Sinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn và giải quyết vấn đề con chung".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vòng Lý S, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 259, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 259, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông S có mặt, bà T vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vòng Lý S và bà Nguyễn Thị T kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ: số 259, thôn Nam Hiệp 1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng vẫn chung sống hòa Tận cho đến năm 2020 do bà T có quan hệ với người đàn ông khác nên xảy ra mâu Tẫn, khi ông S phát hiện được thì bà T bỏ đi và vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vòng Minh Đ, sinh ngày 22/02/2001 (đã thành niên) và Vòng Minh Đ, sinh ngày 17/11/2007 hiện nay do ông S

trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông S  yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Vòng Minh Đ cho đến khi con chung thành niên, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S  xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án bà T có đơn xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và giải quyết vấn đề con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn đối với bị đơn; giao 02 con chung cho ông S  trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Vòng Lý Skhởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 259, thôn Nam Hiệp 1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ. Tại phiên tòa bị đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông S  và bà T tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã ly thân trong thời gian dài. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện để các bên hàn gắn, bà T cũng biết được việc ông S  xin ly hôn nhưng xin vắng mặt. Ngoài ra vào tháng 4/2022 ông S  đã xin ly hôn sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa ông S  và bà T đã trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn đối với bị đơn.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vòng Minh Đ, sinh ngày 22/02/2001 (đã thành niên) và Vòng Minh Đ, sinh ngày 17/11/2007 hiện nay do ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Xét điều kiện về mọi mặt và sau khi tham khảo ý kiến của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục con chung Vòng Minh Đ cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, ông S không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung; bị đơn vắng mặt và cũng không có tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; các Điều 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 10 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và giải quyết vấn đề con chung của ông Vòng Lỷ S .

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vòng Lỷ Sđược ly hôn bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung Vòng Minh Đ, sinh ngày 17/11/2007 cho ông Vòng Lỷ Strực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Vòng Lỷ Sphải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí

hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai T tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009025 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**
*Đã ký*
**Võ Thành Luân**